

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C
TỈNH Đ**

Bản án số: 102/2023/DS-ST.

Ngày: 16-8-2023.

V/v tranh chấp dân sự về hui

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê B

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn K

2. Ông Nguyễn Đình P

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Đặng Nam Q, thư ký Tòa án.

Trong ngày 16 tháng 8 năm 2023, tại Tòa án nhân dân thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 279/2023/TLST-DS, ngày 26/6/2023, về việc “Tranh chấp dân sự về, hui”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 279/2023/QĐXXST-DS, ngày 28 tháng 7 năm 2023 giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị B, sinh năm 1957;

Địa chỉ: Tổ 8, ấp Đông Hòa, xã X, thành phố C, tỉnh Đ.

Người đại diện hợp pháp của bà B : Bà Nguyễn Thị Hồng D, sinh năm 1987, địa chỉ: Số 310/3, đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 1, thành phố C, tỉnh Đ - là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 07/6/2023).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Bạch T, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Tổ 8, ấp Đông Hòa, xã X, thành phố C, Tỉnh Đ.

Bà Nguyễn Thị Hồng D có mặt; Bà Nguyễn Thị Bạch T vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Bà Trần Thị B có bà Nguyễn Thị Hồng D đại diện trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Bạch T còn thiếu bà B số tiền hui là 11.000.000 đồng, nhưng bà T hứa hẹn với bà B nhiều lần nhưng vẫn không trả. Bà B có nộp đơn đến Ban nhân dân ấp Đông Hòa, xã X để yêu cầu hòa giải, tại Biên bản hòa giải ngày 22/10/2022 của Ban nhân dân ấp Đông Hòa bà T đã thừa nhận còn nợ lại bà B số tiền hui là 11.000.000 đồng. Hai bên đã đạt được thỏa thuận, bà T sẽ trả cho bà B 500.000 đồng/tháng, trả trong vòng 22 tháng, từ ngày 01/11/2022 đến ngày 01/9/2024. Tuy nhiên đến nay bà T đã không thực hiện việc trả nợ. Nay yêu cầu bà Nguyễn Thị Bạch T trả cho bà B số tiền 11.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 01/11/2022 đến ngày 01/6/2023, mức lãi 1,5%/tháng, thời hạn 07 tháng, thành tiền 1.155.000 đồng và tính lãi suất phát sinh cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Tại phiên tòa, bà Trần Thị B có bà Nguyễn Thị Hồng D đại diện yêu cầu trả tiền gốc 11.000.000 đồng, không yêu cầu bà T trả tiền lãi.

- Bà Nguyễn Thị Bạch T: Không có văn bản trình bày ý kiến nộp cho Tòa án.

Tại phiên tòa, các đương sự không xuất trình tài liệu, chứng cứ mới cho Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Bạch T vắng mặt lần thứ hai không lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà T.

[2]. Về thẩm quyền: Theo đơn khởi kiện của Trần Thị B tranh chấp hội. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Đ.

[3]. Về nội dung: Xét yêu cầu bà Trần Thị B yêu cầu bà Nguyễn Thị Bạch T trả số tiền hội 11.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà Trần Thị B có bà Nguyễn Thị Hồng D đại diện trình bày, trước đây bà B là chủ hội, bà T là hội viên. Bà T tham gia chơi hội nhưng do thời gian lâu không nhớ hội khui thời gian nào, bà T tham gia bao nhiêu chân hội, sổ sách chơi hội không còn. Bà B làm đơn yêu cầu Ban hòa giải ấp Đông Hòa, xã Tân Thuận Đông, thành phố C, tỉnh Đ tiến hành hòa giải ngày 22/10/2022 bà T ký tên vào biên bản hòa giải còn nợ bà B số tiền 11.000.000 đồng, cam kết mỗi tháng trả số tiền 500.000 đồng nhưng đến nay chưa trả.

Xét thấy, bà B chủ hội, bà T hội viên, tại biên bản ngày 22/10/2022 T ký tên đồng ý trả cho bà B số tiền hội 11.000.000 đồng và cam kết mỗi tháng trả số tiền 500.000 đồng nhưng đến nay chưa trả.

Tòa án nhân dân thành phố C đã tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng bà T không có văn bản ý kiến nộp (gửi) cho Tòa án, không phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thể hiện bà T từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Do đó, chấp nhận yêu cầu của bà B yêu cầu bà Nguyễn Thị Bạch T trả số tiền 11.000.000 đồng.

Về yêu cầu trả tiền lãi từ ngày 01/11/2022 đến ngày 01/6/2023, mức 1,5%/tháng, thời hạn 07 tháng, thành tiền 1.155.000 đồng. Tại phiên tòa bà D thay đổi yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu bà T trả tiền lãi, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử yêu cầu này của bà B.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Bạch T phải chịu án phí theo quy định.

Bà Trần Thị B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 2 Điều 227, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 471 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[2]. Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị B.

Buộc bà Nguyễn Thị Bạch T trả cho bà Trần Thị B số tiền 11.000.000 đồng (mười một triệu đồng).

Đình chỉ xét xử yêu cầu của bà Trần Thị B về trả tiền lãi suất.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Bạch T phải chịu án phí số tiền 550.000 đồng.

Tiền tạm ứng án phí bà Trần Thị B đã được miễn theo thông báo số 53/TB-TA, ngày 26/6/2023 Tòa án nhân dân thành phố C.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

